

Số: /2026/QĐ-UBND Đồng Nai, ngày tháng năm 2026
(Dự thảo 1)

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi các Luật số 43/2024/QH15, số 47/2024/QH15, số 58/2024/QH15, số 71/2025/QH15, số 84/2025/QH15, số 93/2025/QH15 và số 95/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội Quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định 226/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số /TTr-SNNMT ngày tháng năm 2026;

Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND

“Điều 13. Mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm

Phương án 1:

1. Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 109 Luật số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi các Luật số 43/2024/QH15, số 47/2024/QH15, số 58/2024/QH15, số 71/2025/QH15, số 84/2025/QH15, số 93/2025/QH15 và số 95/2025/QH15 khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà không có đất để bồi thường và được bồi thường bằng tiền thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng tiền, với mức hỗ trợ **bằng 2,5 lần** giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương quy định tại Điều 176 Luật số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi các Luật số 43/2024/QH15, số 47/2024/QH15, số 58/2024/QH15, số 71/2025/QH15, số 84/2025/QH15, số 93/2025/QH15 và số 95/2025/QH15;

2. Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 109 Luật số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi các Luật số 43/2024/QH15, số 47/2024/QH15, số 58/2024/QH15, số 71/2025/QH15, số 84/2025/QH15, số 93/2025/QH15 và số 95/2025/QH15 khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng tiền, với mức hỗ trợ **bằng 1,5 lần** giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương quy định tại Điều 176 Luật Đất đai năm 2024.”

Phương án 2:

1. Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 109 Luật số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi các Luật số 43/2024/QH15, số 47/2024/QH15, số 58/2024/QH15, số 71/2025/QH15, số 84/2025/QH15, số 93/2025/QH15 và số 95/2025/QH15 khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà không có đất để bồi thường và được bồi thường bằng tiền thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng tiền, với mức hỗ trợ **không quá 05 lần** giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương quy định tại Điều 176 Luật số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi

các Luật số 43/2024/QH15, số 47/2024/QH15, số 58/2024/QH15, số 71/2025/QH15, số 84/2025/QH15, số 93/2025/QH15 và số 95/2025/QH15;

2. Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 109 Luật số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi các Luật số 43/2024/QH15, số 47/2024/QH15, số 58/2024/QH15, số 71/2025/QH15, số 84/2025/QH15, số 93/2025/QH15 và số 95/2025/QH15 khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng tiền, với mức hỗ trợ **không quá 2,5 lần** giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương quy định tại Điều 176 Luật Đất đai năm 2024.

3. Mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân xã, phường đề xuất trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định. Trường hợp dự án đi qua nhiều xã, phường thì Ủy ban nhân dân xã, phường phối hợp đề xuất một mức cụ thể trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND

“Điều 15. Bố trí nhà ở tạm, hỗ trợ tiền thuê nhà ở; cơ chế thưởng đối với người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời hạn quy định

1. Bố trí tạm cư, thời gian và kinh phí tạm cư đối với trường hợp quyết định thu hồi đất trước khi hoàn thành việc bố trí tái định cư quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15

a) Trường hợp khi Nhà nước quyết định thu hồi đất trước khi hoàn thành việc bố trí tái định cư, người có đất bị thu hồi trong thời gian chờ bố trí tái định cư được bố trí tạm cư vào quỹ nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước.

b) Trường hợp không có quỹ nhà ở hoặc người dân tự lo tạm cư thì được hỗ trợ tiền thuê nhà tạm cư trong thời gian chờ bố trí tái định cư với mức hỗ trợ 6.000.000 đồng/hộ/tháng tại địa bàn xã, 8.000.000 đồng/hộ/tháng tại địa bàn phường đối với hộ có từ 04 nhân khẩu trở xuống, đối với hộ gia đình có từ 05 nhân khẩu trở lên thì cứ mỗi nhân khẩu tăng thêm được tính thêm 1.500.000 đồng/nhân khẩu/tháng tại địa bàn xã, 2.000.000 đồng/nhân khẩu/tháng tại địa bàn phường.

c) Thời gian hỗ trợ tạm cư được tính từ khi hộ gia đình, cá nhân bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án đến khi nhận nhà (đất) tái định cư.

d) Số nhân khẩu để hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này chỉ áp dụng đối với những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình đang sống chung.

2. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài khi Nhà nước thu hồi đất được bồi thường về đất ở, được giao đất ở, được giao đất tái định cư; trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới (xây dựng nhà ở trên đất) được bố trí vào nhà ở tạm; trường hợp không có nhà ở tạm thì được hỗ trợ tiền thuê nhà ở như sau:

a) Mức hỗ trợ 6.000.000 đồng/hộ/tháng tại địa bàn xã, 8.000.000 đồng/hộ/tháng tại địa bàn phường đối với hộ có từ 04 nhân khẩu trở xuống, thời gian hỗ trợ là 06 tháng tại thời điểm bồi thường. Trường hợp hộ gia đình có từ 05 nhân khẩu trở lên thì cứ mỗi nhân khẩu tăng thêm được tính thêm 1.500.000 đồng/nhân khẩu/tháng tại địa bàn xã, 2.000.000 đồng/nhân khẩu/tháng tại địa bàn phường;

b) Thời gian hỗ trợ chờ tạo lập chỗ ở mới (xây dựng nhà ở trên đất) được bố trí vào nhà ở tạm trong thời gian 06 tháng. Trường hợp không có nhà ở tạm thì được hỗ trợ tiền thuê nhà ở trong thời gian 06 tháng.

c) Số nhân khẩu để hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này chỉ áp dụng đối với những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình đang sống chung.”.

3. Người có đất bị thu hồi (bị thu hồi đất phi nông nghiệp hoặc đất nông nghiệp) bàn giao mặt bằng trước thời hạn theo thông báo của đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì được thưởng với mức thưởng như sau:

Số tiền bồi thường, hỗ trợ	Mức thưởng
- Dưới 20 triệu đồng	2.000.000 đồng
- Từ 20 triệu đồng đến dưới 50 triệu đồng	4.000.000 đồng
- Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	8.000.000 đồng
- Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng	12.000.000 đồng
- Từ 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng	16.000.000 đồng
- Từ 500 triệu đồng trở lên	20.000.000 đồng

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND

“Điều 19. Mức hỗ trợ khác đối với một số trường hợp cụ thể khi Nhà nước thu hồi đất

1. Hỗ trợ về đất đối với đất không đủ điều kiện bồi thường

a) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất vào mục đích thuộc nhóm đất nông nghiệp theo quy định tại khoản 7 Điều 12 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 151/2025/NĐ-CP, Nghị định số 226/2025/NĐ-CP thì đối với phần diện tích thu hồi còn lại của thửa đất nhưng không được bồi thường về đất thì được hỗ trợ bằng 50% mức giá bồi thường đất nông nghiệp theo hiện trạng sử dụng đất.

b) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất phi nông nghiệp không phải là đất ở theo quy định tại khoản 9 Điều 13 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 151/2025/NĐ-CP, Nghị định số 226/2025/NĐ-CP thì đối với phần diện tích thu hồi còn lại của thửa đất nhưng không được bồi thường về đất thì được hỗ trợ bằng 50% mức giá bồi thường đất phi nông nghiệp theo hiện trạng sử dụng đất.

2. Hỗ trợ về nhà ở, công trình phục vụ đời sống của hộ gia đình, cá nhân không đủ điều kiện bồi thường

a) Nhà ở, công trình xây dựng không được phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng nhưng xây dựng trên đất có đủ điều kiện được bồi thường về đất thì được hỗ trợ như sau:

Trường hợp xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 thì được hỗ trợ bằng 100% giá trị bồi thường theo đơn giá do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành;

Trường hợp xây dựng từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 đến trước ngày thông báo thu hồi đất và không bị lập Biên bản vi phạm hành chính thì được hỗ trợ 100% giá trị bồi thường theo đơn giá do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành nếu xây dựng đúng mục đích sử dụng đất; hỗ trợ 80% giá trị bồi thường theo đơn giá do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành nếu xây dựng không đúng với mục đích sử dụng đất.

b) Nhà ở, công trình xây dựng không được phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng và xây dựng trên đất không đủ điều kiện được bồi thường về đất thì được hỗ trợ như sau:

Trường hợp xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 thì được hỗ trợ bằng 80% giá trị bồi thường theo đơn giá do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành;

Trường hợp xây dựng từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 đến trước ngày thông báo thu hồi đất và không bị lập Biên bản vi phạm hành chính thì được hỗ trợ 60% giá trị bồi thường theo đơn giá do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành.

c) Nhà ở, công trình xây dựng xây dựng sau ngày thông báo thu hồi đất thì không được bồi thường, hỗ trợ; người có công trình xây dựng trái phép phải tự

tháo dỡ hoặc phải chịu chi phí phá dỡ trong trường hợp cơ quan chức năng thực hiện phá dỡ.

d) Trường hợp nhà, công trình đã được cấp giấy phép xây dựng hoặc cấp sổ hữu nhà, công trình sai quy định về hành lang bảo vệ đường bộ qua các thời kỳ thì phân diện tích cấp sai đó được hỗ trợ 100% đơn giá bồi thường do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành.

3. Trường hợp thực hiện dự án xây dựng công trình giao thông hoặc công trình thủy lợi làm thay đổi cao độ mặt đường mới so với mặt đường hiện hữu (đào sâu hoặc đắp cao), ảnh hưởng trực tiếp đến việc sử dụng đất, nhà ở, công trình của hộ gia đình, cá nhân có đất dọc hai bên tuyến thì được xem xét hỗ trợ như sau:

a) Hộ gia đình, cá nhân có đất tiếp giáp với tuyến đường được hỗ trợ chi phí cải tạo theo chiều ngang của thửa đất, tính theo mét dài tiếp giáp đường, cụ thể như sau:

Trường hợp cao độ tim đường mới cao hơn hoặc thấp hơn tim đường hiện hữu từ 01 mét đến 02 mét, mức hỗ trợ là 2.000.000 đồng/mét dài.

Trường hợp cao độ tim đường mới cao hơn trên 02 mét đến 03 mét hoặc thấp hơn trên 02 mét đến 03 mét, mức hỗ trợ là 2.500.000 đồng/mét dài.

Trường hợp cao độ tim đường mới cao hơn 03 mét hoặc thấp hơn 03 mét, mức hỗ trợ là 3.500.000 đồng/mét dài.

Mức hỗ trợ nêu trên áp dụng áp dụng cho từng thửa đất, nhưng không vượt quá 50.000.000 đồng/thửa.

b) Nhà ở, công trình phục vụ đời sống của hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng do thay đổi cao độ mặt đường dẫn đến không còn đủ điều kiện để ở thì được hỗ trợ như sau:

Trường hợp nhà ở, công trình xây dựng hợp pháp thì mức hỗ trợ được xác định theo đơn giá bồi thường đối với nhà ở, công trình khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định hiện hành.

Trường hợp nhà ở, công trình xây dựng không hợp pháp, không đủ điều kiện bồi thường thì được xem xét hỗ trợ theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Quyết định này.

4. Hỗ trợ đối với đối tượng thuộc diện chính sách

a) Hộ bị thu hồi đất là gia đình liệt sĩ hoặc có người là Bà mẹ Việt Nam anh hùng, thương binh, bệnh binh, người bị nhiễm chất độc da cam thuộc đối tượng trực tiếp sản xuất nông nghiệp mà bị thu hồi hết đất nông nghiệp hoặc bị

thu hồi hết đất ở thì ngoài việc được hỗ trợ theo quy định còn được hưởng thêm khoản hỗ trợ dành cho những đối tượng thuộc diện chính sách, cụ thể như sau:

Hỗ trợ cho hộ bị thu hồi đất là gia đình liệt sĩ hoặc có người là Bà mẹ Việt Nam anh hùng, thương binh hạng 1/4, bệnh binh hạng 1/3, người bị nhiễm chất độc da cam là 30.000.000 đồng trên một hộ.

Hỗ trợ cho hộ bị thu hồi đất có người là thương, bệnh binh có tỷ lệ thương tật từ 61% đến 80% là 15.000.000 đồng trên một hộ.

Hỗ trợ cho hộ bị thu hồi đất có người là thương, bệnh binh có tỷ lệ thương tật từ 21 % đến 60% là 10.000.000 đồng trên một hộ.

b) Hộ bị thu hồi đất là gia đình liệt sĩ hoặc có người là Bà mẹ Việt Nam anh hùng, thương binh, bệnh binh, người bị nhiễm chất độc da cam thuộc đối tượng sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ mà không còn mặt bằng sản xuất kinh doanh và bị thu hồi hết đất ở thì được hỗ trợ theo mức quy định tại điểm a khoản này.

c) Hộ nghèo theo quy định của Nhà nước; hộ dân tộc thiểu số thuộc đối tượng trực tiếp sản xuất nông nghiệp mà bị thu hồi hết đất nông nghiệp và bị thu hồi hết đất ở hoặc thuộc đối tượng sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ mà không còn mặt bằng sản xuất kinh doanh thì được hỗ trợ 10.000.000 đồng trên một hộ.

d) Nếu trong một hộ gia đình có nhiều đối tượng chính sách được hưởng như trên thì chỉ tính một mức hỗ trợ cao nhất.

5. Đối với các loại cây trồng được trồng không đúng theo mục đích sử dụng đất được giao, được cho thuê và được trồng trước khi thông báo thực hiện công trình, dự án hoặc thông báo thu hồi đất thì được hỗ trợ bằng 80% đơn giá bồi thường do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành.

6. Đối với cây trồng được người dân trồng, chăm sóc, tạo ra sản phẩm nông nghiệp và được trồng trên đất không có giấy tờ về quyền sử dụng đất, không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không được bồi thường về đất, tài sản gắn liền với đất, thuộc trường hợp sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 thì được hỗ trợ bằng 80% đơn giá cây trồng theo quy định.

7. Ngoài việc hỗ trợ quy định tại Quyết định này, căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân xã, phường đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố quyết định biện pháp, mức hỗ trợ khác để bảo đảm có chỗ ở, ổn định đời sống, sản xuất đối với người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Căn cứ quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân xã, phường quyết định biện pháp, mức hỗ trợ khác đối với từng dự án cụ thể.”.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng 7 năm 2026.

2. Các Điều 13, Điều 15, Điều 19 của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với trường hợp đã có quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa có quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì tiếp tục thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của Quyết định này.

2. Đối với trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa thực hiện thì tiếp tục thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã phê duyệt; việc xử lý chi trả bồi thường chậm được thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm Nhà nước ban hành quyết định thu hồi đất.

3. Đối với dự án còn một phần diện tích đất chưa phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước ngày Nghị quyết số 254/2025/QH15 có hiệu lực thi hành. Ủy ban nhân dân thành phố giao Ủy ban nhân dân xã, phường thực hiện phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với diện tích đất chưa phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn xã, phường theo quy định của pháp luật có hiệu lực từ ngày Nghị quyết số 254/2025/QH15 có hiệu lực thi hành để thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với phần diện tích đất chưa phê duyệt phương án.

Điều 4. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân xã, phường triển khai thực hiện Quy định này; theo dõi, tổ chức kiểm tra việc thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại các địa phương, đơn vị để kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo xử lý theo thẩm quyền.

2. Ủy ban nhân dân xã, phường chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phân định, phân quyền, phân cấp thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung

1. Trường hợp các văn bản pháp luật được dẫn chiếu trong Quyết định

Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản mới.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh ngoài quy định của Luật Đất đai, Nghị quyết số 254/2025/QH15, các Nghị định liên quan và Quyết định này thì các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân xã, phường kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo xử lý.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL và Quản lý XLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Chủ tịch, các PCT UBND Thành phố;
- Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố;
- Ủy ban MTTQVN Thành phố;
- Sở Tư pháp;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Đồng Nai;
- Công báo điện tử thành phố;
- Lưu: VT, KTNS.(155 bản).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**